



CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ OCH

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2021



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	7 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 39

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ OCH (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2021.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ OCH tiền thân là Công ty Cổ phần Xây dựng – Thương mại Bảo Long, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0403000464 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 24 tháng 7 năm 2006, đăng ký chứng nhận doanh nghiệp thay đổi lần thứ mười lăm số 0800338870 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 06 tháng 08 năm 2020.

Vốn điều lệ: 2.000.000.000.000 VND

Số lượng cổ phiếu: 200.000.000 cổ phiếu

Mệnh giá: 10.000 VND

Mã chứng khoán: OCH

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 3, Tòa nhà VNT số 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

Văn phòng Đại diện của Công ty tại tầng 03 tòa nhà Grandeur Palace – Giảng Võ, 138 B Giảng Võ, phường Kim Mã, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ mười lăm là 2.000.000.000.000 đồng (Hai nghìn tỷ đồng).

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Dịch vụ ăn uống khác (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Dịch vụ tư vấn, quản lý, quảng cáo bất động sản;
- Kinh doanh bất động sản;
- Cho thuê nhà xưởng, văn phòng, nhà ở và kho bãi;
- Đầu tư và xây dựng hạ tầng, nhà ở, văn phòng, nhà xưởng, kho bãi.

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thành Trung	Chủ tịch HĐQT
Bà Nguyễn Thị Dung	Phó chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Giang Nam	Thành viên HĐQT
Bà Nguyễn Thu Hằng	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Thế Vinh	Thành viên HĐQT
Ông Trần Quốc Toàn	Thành viên HĐQT

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Hương Nga	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Trần Thị Kim Oanh	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Vũ Xuân Dương	Thành viên Ban kiểm soát

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Quang Thành	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Dung	Phó Tổng Giám đốc

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ kế toán và đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Quang Thành – Tổng Giám đốc.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Phía Bắc được lựa chọn soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2021 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ kế toán. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc cam kết:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết tuân thủ việc công bố thông tin theo Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty Đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ OCH

Tầng 3, Tòa nhà VNT số 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Quang Thành

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2021

387
TY
KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ
OCH
N-T



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International



Số: 047/2021/BCSX - PB.00418

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ OCH

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ OCH (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 27 tháng 08 năm 2021, từ trang 07 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30/06/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Như Công ty trình bày tại thuyết minh số 5.4(i), 5.5.1, 5.6.1(i), 5.13(ii) tại thời điểm 30/6/2021 Công ty mẹ và các công ty con có một số khoản nợ phải thu và khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác với tổng số dư nợ gốc là 295.203.875.835 đồng, số dự phòng là 71.693.824.560 đồng, giá trị thuần của tài sản tương ứng sau trích lập dự phòng là 223.510.051.275 đồng. Chúng tôi chưa có đủ các bằng chứng thích hợp để đánh giá Giá trị thuần của các tài sản nêu trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số dư nợ gốc và lãi của các khoản phải thu, số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng đầu tư tài chính trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không.

Tại ngày 30/06/2021, Công ty TNHH Một Thành Viên Sao Hôm Nha Trang là Công ty con của Công ty đang ghi nhận khoản phải thu đối với Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Trảng Tiền Nha Trang với giá trị 162.200.000.000 đồng và lãi phát sinh tương ứng là 35.552.260.551 đồng. Tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang vẫn đang tiếp tục thực hiện các biện pháp để đôn đốc, thu hồi và đánh giá khả năng thu hồi khoản nợ này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh dự phòng đối với khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty hay không.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề được mô tả tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ OCH tại ngày 30/06/2021, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ OCH cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày Tại thuyết minh số 5.3 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty đã nhận được văn bản của Cơ quan chức năng về việc "tạm dừng mọi biến động (giao dịch chuyển nhượng mua, bán, cho tặng, cầm cố, thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất..) đối với thửa đất số Lô 45-1, Khu công nghiệp Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội". Đến thời điểm phát hành Báo cáo soát xét, Công ty vẫn đang làm việc với cơ quan chức năng để giải quyết vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020 và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kết thúc tại ngày 30/06/2020 đã được Kiểm toán, soát xét bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC. Kiểm toán viên đã đưa ra kết luận chấp nhận từng phần đối với Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc tại ngày 30/06/2020 vào ngày 25/08/2020 và ý kiến chấp nhận từng phần đối với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020 vào ngày 30/03/2021.



Lê Viết Cường

Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2478-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH PHÍA BẮC

Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2021



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

TÀI SẢN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			30/06/2021	01/01/2021
A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		822.672.367.309	851.911.003.325
I/ Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	27.464.374.211	80.140.206.009
1. Tiền	111		7.464.374.211	5.540.206.009
2. Các khoản tương đương tiền	112		20.000.000.000	74.600.000.000
II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		264.424.751.400	239.644.266.415
1. Chứng khoán kinh doanh	121	5.12	47.724.751.400	47.316.417.100
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	216.700.000.000	192.327.849.315
III/ Các khoản phải thu ngắn hạn	130		298.602.268.531	300.412.086.024
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	24.402.550.442	24.779.832.943
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	70.499.149.398	84.286.067.595
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	40.341.163.333	40.341.163.333
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	1.030.877.149.829	1.018.522.766.624
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(867.517.744.471)	(867.517.744.471)
IV/ Hàng tồn kho	140	5.8	224.026.137.805	223.927.955.989
1. Hàng tồn kho	141		224.026.137.805	223.927.955.989
V/ Tài sản ngắn hạn khác	150		8.154.835.362	7.786.488.888
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	49.731.041	62.780.002
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.886.518.563	1.505.123.128
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.15	6.218.585.758	6.218.585.758
B/ TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.152.782.102.779	1.108.411.192.080
I/ Các khoản phải thu dài hạn	210		87.751.056.204	83.445.447.959
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.5	74.079.858.335	74.079.858.335
2. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	19.926.281.433	15.620.673.188
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	5.7	(6.255.083.564)	(6.255.083.564)
II/ Tài sản cố định	220		1.523.572.819	1.676.948.131
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.11	1.484.404.312	1.621.252.858
- Nguyên giá	222		3.103.204.265	3.103.204.265
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.618.799.953)	(1.481.951.407)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	39.168.507	55.695.273
- Nguyên giá	228		397.208.682	397.208.682
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(358.040.175)	(341.513.409)
III/ Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV/ Tài sản dở dang dài hạn	240		147.400.000	147.400.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		147.400.000	147.400.000
V/ Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.13	1.060.867.576.087	1.022.469.702.074
1. Đầu tư vào công ty con	251		1.414.955.150.718	1.322.934.650.718
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		88.801.147.484	88.801.147.484
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		90.094.700.000	90.094.700.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(532.983.422.115)	(479.360.796.128)
VI/ Tài sản dài hạn khác	260		2.492.497.669	671.693.916
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	2.435.603.977	614.800.224
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		56.893.692	56.893.692
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.975.454.470.088	1.960.322.195.405

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ OCH

Tầng 3, Tòa nhà VNT số 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			30/06/2021	01/01/2021
C/ NỢ PHẢI TRẢ	300		134.118.481.103	134.945.060.960
I/ Nợ ngắn hạn	310		134.018.481.103	134.845.060.960
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	3.149.395.408	5.112.436.209
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		582.964.702	582.964.702
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	86.750.639	61.914.440
4. Phải trả người lao động	314		430.962.413	445.013.054
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	2.470.605.536	2.550.605.536
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	124.645.790.376	124.336.631.690
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		2.652.012.029	1.755.495.329
II/ Nợ dài hạn	330		100.000.000	100.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337		100.000.000	100.000.000
D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.841.335.988.985	1.825.377.134.445
I/ Vốn chủ sở hữu	410	5.18	1.841.335.988.985	1.825.377.134.445
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.493.439.505	4.493.439.505
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		6.329.814.592	6.329.814.592
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(169.487.265.112)	(185.446.119.652)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(187.232.119.652)	(244.995.738.117)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		17.744.854.540	59.549.618.465
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.975.454.470.088	1.960.322.195.405



Nguyễn Quang Thành
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2021

Nguyễn Thị Mai Hoa
Kế toán trưởng

Lê Bích Thùy
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ OCH

Tầng 3, Tòa nhà VNT số 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Chi tiêu	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	11.121.404.023	19.204.173.479
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		11.121.404.023	19.204.173.479
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	10.083.675.065	17.005.179.351
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.037.728.958	2.198.994.128
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	77.868.805.001	18.104.829.453
7. Chi phí tài chính	22	6.4	53.622.625.987	(35.357.817.008)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	8.828.205.690	8.026.801.863
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16.455.702.282	47.634.838.726
11. Thu nhập khác	31	6.6	1.289.152.258	46.000
12. Chi phí khác	32		-	65.179
13. Lợi nhuận khác	40		1.289.152.258	(19.179)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		17.744.854.540	47.634.819.547
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		17.744.854.540	47.634.819.547

Chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu và Lãi suy giảm trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất, không trình bày trên Báo cáo tài chính riêng.



Nguyễn Quang Thành
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2021

Nguyễn Thị Mai Hoa
Kế toán trưởng

Lê Bích Thủy
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ OCH

Tầng 3, Tòa nhà VNT số 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Chi tiêu	MS	Đơn vị tính: VND	
		Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	17.744.854.540	47.634.819.547
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	153.375.312	790.401.743
- Các khoản dự phòng	03	53.622.625.987	(35.357.817.008)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(77.868.805.001)	(20.602.562.016)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(6.347.949.162)	(7.535.157.734)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	18.933.923.052	(67.371.471.244)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(98.181.816)	
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(1.723.096.557)	(2.311.622.705)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1.807.754.792)	249.128.528
Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	(408.334.300)	(240.077.660)
- Tiền lãi vay đã trả	14	-	(24.168.781.529)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(889.483.300)	(248.600.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	7.659.123.125	(101.626.582.344)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(1.398.927.273)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(43.000.000.000)	(151.031.929.608)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	18.627.849.315	157.809.762.750
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(92.020.500.000)	-
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	32.262.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	56.057.695.762	46.659.639.168
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(60.334.954.923)	84.300.545.037
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(52.675.831.798)	(17.326.037.307)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	80.140.206.009	35.226.797.727
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	<u>27.464.374.211</u>	<u>17.900.760.420</u>



(Handwritten signatures)

Nguyễn Quang Thành
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2021

Nguyễn Thị Mai Hoa
Kế toán trưởng

Lê Bích Thủy
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ OCH

Tầng 3, Tòa nhà VNT số 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ OCH tiền thân là Công ty Cổ phần Xây dựng – Thương mại Bảo Long, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0403000464 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 24 tháng 7 năm 2006, đăng ký chứng nhận doanh nghiệp thay đổi lần thứ mười lăm số 0800338870 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 06 tháng 08 năm 2020.

Vốn điều lệ: 2.000.000.000.000 VND

Số lượng cổ phiếu: 200.000.000 cổ phiếu

Mệnh giá: 10.000 VND

Mã chứng khoán: OCH

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 3, Tòa nhà VNT số 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

Văn phòng Đại diện của Công ty tại tầng 03 tòa nhà Grandeur Palace – Giảng Võ, 138 B Giảng Võ, phường Kim Mã, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần mười lăm là 2.000.000.000.000 đồng (Hai nghìn tỷ đồng).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ Du lịch – Nhà hàng – Khách sạn – Thực phẩm.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Dịch vụ ăn uống khác (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Dịch vụ tư vấn, quản lý, quảng cáo bất động sản;
- Kinh doanh bất động sản;
- Cho thuê nhà xưởng, văn phòng, nhà ở và kho bãi;
- Đầu tư và xây dựng hạ tầng, nhà ở, văn phòng, nhà xưởng, kho bãi./.

1.4 Nhân viên

Số lao động tại ngày 30/06/2021 là 27 người (tại ngày 31/12/2020 là 22 người).

1.5 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ OCH

Tầng 3, Tòa nhà VNT số 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

1.7 Cấu trúc công ty

Công ty có các Công ty con sau:

Tên công ty	Tỷ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Tân Việt	51,42%	51,42%	Nha Trang	Kinh doanh khách sạn
Công ty Cổ phần Bánh Givral	99,68%	99,68%	Hồ Chí Minh	Sản xuất, kinh doanh các loại bánh
Công ty Cổ phần Viptour - Togi	79,26%	79,26%	Hà Nội	Kinh doanh khách sạn
Công ty Cổ phần Truyền thông Đại Dương	94,00%	94,00%	Hà Nội	Dịch vụ
Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang	100,00%	100,00%	Nha Trang	Kinh doanh khách sạn
Công ty Cổ phần Kem Tràng Tiên (Công ty con của Công ty Cổ phần Bánh Givral)	99,66%	99,68%	Hà Nội	Sản xuất, kinh doanh các loại bánh, kem
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Bình Hưng	99,00%	99,00%	Bắc Ninh	Cho thuê nhà xưởng khu công nghiệp

Đầu tư góp vốn vào Công ty liên kết

Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển Đầu tư	49,10%	49,10%	Quảng Nam	Kinh doanh khách sạn

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên công ty	Số cổ phần nắm giữ	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng và Vật liệu xây dựng	442.370	Hồ Chí Minh	Tư vấn thiết kế, xây lắp
Công ty Cổ phần Kính mắt Hà Nội	375.000	Hà Nội	Sản xuất, kinh doanh kính mắt
Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long	7.424.100	Hà Nội	Đầu tư kinh doanh bất động sản

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ OCH

Tầng 3, Tòa nhà VNT số 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ngày 22/12/2014 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3.3 Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG*

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: Căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: Nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

4.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Chương trình phần mềm, nhãn hiệu

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm, nhãn hiệu gồm: Nguyên giá của phần mềm, nhãn hiệu là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm, nhãn hiệu, website OCH được khấu hao như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ OCH

Tầng 3, Tòa nhà VNT số 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

	<u>Số năm</u>
Phần mềm kế toán Bravo 7.0	05
Nhãn hiệu OCEAN HOSPITALITY	10
Nhãn hiệu STARCITY HOTEL	10
Website OCH	05

4.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị, chi phí khác... và đối với các tài sản đủ điều kiện, chi phí đi vay được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

4.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa

Các chi phí sửa chữa tài sản được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí khác

Các chi phí khác bao gồm: Chi phí cải tạo văn phòng, chi phí đồ dùng văn phòng, ... được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 3 năm.

4.10 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

4.12 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.13 Doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, thành phẩm;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán riêng của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán riêng;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

4.15 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ OCH

Tầng 3, Tòa nhà VNT số 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Tiền mặt	1.633.876.576	1.323.726.414
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.830.497.635	4.216.479.595
Các khoản tương đương tiền (i)	20.000.000.000	74.600.000.000
Cộng	27.464.374.211	80.140.206.009

(i) Tại ngày 30/06/2021, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng có giá trị 20.000.000.000 VND được gửi tại các Ngân hàng Thương mại với lãi suất theo kỳ hạn tương ứng.

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	216.700.000.000	216.700.000.000	192.327.849.315	192.327.849.315
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	216.700.000.000	216.700.000.000	192.327.849.315	192.327.849.315
Cộng	216.700.000.000	216.700.000.000	192.327.849.315	192.327.849.315

(i) Tại ngày 30/06/2021, đầu tư ngắn hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng đến dưới 1 năm có giá trị 216.700.000.000 VND được gửi tại các Ngân hàng Thương mại với lãi suất theo kỳ hạn tương ứng.

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Các bên liên quan	2.280.363.259	-	2.567.968.555	-
Công ty Cổ phần Bánh Givral	1.949.414.946	-	2.237.020.242	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Đại Dương	330.948.313	-	330.948.313	-
Các bên khác	22.122.187.183	(2.040.465.431)	22.211.864.388	(2.040.465.431)
Công ty TNHH An Việt Hà Nội (i)	12.611.257.261	-	12.600.000.000	-
Đối tác nhận nợ Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ (ii)	6.797.141.720	-	6.797.141.720	-
Các đối tượng khác	2.713.788.202	(2.040.465.431)	2.814.722.668	(2.040.465.431)
Cộng	24.402.550.442	(2.040.465.431)	24.779.832.943	(2.040.465.431)

(i) Theo hợp đồng chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất số 2812/2020/HĐCNTS/OCH-AV ngày 28/12/2020 giữa Bên chuyển nhượng: Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ OCH (bên A) và Bên nhận chuyển nhượng: Công ty TNHH An Việt Hà Nội (bên B). Bên A đồng ý chuyển nhượng và Bên B đồng ý nhận chuyển nhượng toàn bộ tài sản Nhà xưởng tại thửa đất số Lô 45-1 Khu Công nghiệp Quang Minh,

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ OCH

Tầng 3, Tòa nhà VNT số 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội thuộc quyền sở hữu của Bên A theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AM665261 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 28/07/2008 và Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp điều chỉnh ngày 18/06/2018.

Ngày 27/01/2021, Công ty đã nhận được văn bản của Cơ quan chức năng về việc "tạm dừng mọi biến động (giao dịch chuyển nhượng mua, bán, cho tặng, cầm cố, thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất..) đối với thửa đất số Lô 45-1, khu công nghiệp Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội".

(ii) Theo thỏa thuận ba bên số 02/2020/TT/MBN ngày 08/01/2020, OCH đã chuyển nhượng toàn bộ khoản nợ phải thu Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ tại Công ty cho đối tác. Số phải thu đối tác nhận nợ còn lại tại ngày 30/06/2021 là một phần số dư phải thu về lãi vay với số tiền 6.797.141.720 đồng.

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Các bên khác	70.499.149.398	-	84.286.067.595	-
Công ty Cổ phần Du lịch và Xúc tiến Đầu tư (i)	38.567.900.000	-	38.567.900.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương Mại Phúc Trường	-	-	45.629.897.595	-
Công ty TNHH Bao Bì PHP	7.536.400.000	-	-	-
Công ty TNHH Sản xuất & dịch vụ in bao bì Tâm Bảo	10.437.400.000	-	-	-
Công ty TNHH C&C	7.650.000.000	-	-	-
Các đối tượng khác	6.307.449.398	-	88.270.000	-
Cộng	70.499.149.398	-	84.286.067.595	-

(i) Đây là khoản đặt cọc để nhận chuyển nhượng 3.853.010 cổ phần của Công ty Cổ phần Viptour - Togi, tương ứng với 19% số cổ phần còn lại trong Công ty con này của Công ty, trong đó bao gồm số tiền: 18.267.900.000 đồng trong tài khoản đồng sở hữu giữa Công ty và Công ty Cổ phần Du lịch và Xúc tiến Đầu tư mở tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (OceanBank). Tại ngày 30/08/2016, Công ty đã có biên bản làm việc với Công ty Cổ phần Du lịch và Xúc tiến Đầu tư về việc đồng ý chấm dứt hợp đồng chuyển nhượng, Công ty Cổ phần Du lịch và Xúc tiến Đầu tư có trách nhiệm hoàn trả lại tiền và sử dụng toàn bộ cổ phiếu của Công ty Cổ phần Viptour - Togi làm tài sản đảm bảo cho nghĩa vụ trả tiền của Công ty Cổ phần Du lịch và Xúc tiến Đầu tư.

5.5 Phải thu về cho vay**5.5.1 Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Các bên liên quan	40.341.163.333	-	40.341.163.333	-
Công ty Cổ phần Viptour-Togi	40.341.163.333	-	40.341.163.333	-
Cộng	40.341.163.333	-	40.341.163.333	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ OCH

Tầng 3, Tòa nhà VNT số 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Khoản cho Công ty Cổ phần Viptour - Togi vay gồm 04 hợp đồng và thỏa thuận hỗ trợ vốn sau:

- Hợp đồng hỗ trợ vốn số 03/2016/HĐCV/OCH-SHNT ngày 04/02/2016, thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất 10%/năm. Dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2021 là 40.000.000.000 đồng, Hợp đồng được gia hạn tới ngày 31/12/2021.
- Thỏa thuận hỗ trợ vốn Số 01/2017/TTHTV/OCH-VIPTOURTOGI ngày 12/01/2017, thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất 11%/năm. Dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2021 là 197.163.333 đồng, Thỏa thuận hỗ trợ vốn được gia hạn đến ngày 31/12/2021.
- Thỏa thuận hỗ trợ vốn Số 02/2017/TTHTV/OCH-VIPTOURTOGI ngày 03/07/2017, thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất 10%/năm. Dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2021 là 44.000.000 đồng, Thỏa thuận hỗ trợ vốn được gia hạn đến ngày 31/12/2021.
- Thỏa thuận hỗ trợ vốn Số 01/2020/TTHTV/OCH - VIPTOURTOGI ngày 31/03/2020, thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất 9%/năm. Dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2021 là 100.000.000 đồng, Thỏa thuận vốn được gia hạn đến ngày 31/03/2022.

5.5.2 Phải thu về cho vay dài hạn

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Các bên liên quan	74.079.858.335	-	74.079.858.335	-
Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang	74.079.858.335	-	74.079.858.335	-
Cộng	74.079.858.335	-	74.079.858.335	-

Khoản cho vay đối với Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang bao gồm các thỏa thuận sau:

- Thỏa thuận hỗ trợ vốn số 05/2016/TTHTV/OCH-SHNT ngày 31/03/2016, Thỏa thuận hỗ trợ vốn số 07/2016/TTHTV/OCH-SHNT ngày 01/06/2016, thỏa thuận hỗ trợ vốn số 08/2016/TTHTV/OCH-SHNT ngày 30/06/2016, thỏa thuận hỗ trợ vốn số 09/2016/TTHTV/OCH-SHNT ngày 28/07/2016 kèm theo các Phụ lục điều chỉnh lãi suất ngày 06/01/2020. Thời hạn của khoản cho vay là 10 năm, lãi suất 9,5%/năm. Dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2021 là 20.076.928.727 đồng.
- Thỏa thuận hỗ trợ vốn số 15A/2016/TTHTV/OCH-SHNT ngày 08/11/2016, thỏa thuận hỗ trợ vốn số 15B/2016/TTHTV/OCH-SHNT ngày 14/11/2016 và thỏa thuận hỗ trợ vốn số 15C/2016/TTHTV/OCH-SHNT ngày 29/11/2016 kèm theo các Phụ lục điều chỉnh lãi suất ngày 06/01/2020. Thời hạn hỗ trợ đến ngày 15/01/2026, lãi suất 9,5%/năm. Dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2021 là 8.473.000.000 đồng.
- Thỏa thuận hỗ trợ vốn số 01-1/2017/TTHTV/OCH-SHNT ngày 04/01/2017 và thỏa thuận hỗ trợ vốn số 02/2017/TTHTV/OCH-SHNT ngày 16/11/2017 kèm theo các Phụ lục điều chỉnh lãi suất ngày 06/01/2020. Thời hạn hỗ trợ đến ngày 15/01/2026, lãi suất hỗ trợ 9,5%/năm. Dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2021 là 7.098.000.000 đồng.
- Thỏa thuận hỗ trợ vốn số 01/2018/TTHTV/OCH-SHNT ngày 20/03/2018 kèm theo Phụ lục điều chỉnh lãi suất ngày 06/01/2020. Thời hạn hỗ trợ đến ngày 15/01/2026, lãi suất hỗ trợ 9,5%/năm. Dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2021 là 11.500.000.000 đồng.
- Thỏa thuận hỗ trợ vốn số 02/2018/TTHTV/OCH-SHNT ngày 30/05/2018 kèm theo Phụ lục điều chỉnh lãi suất ngày 06/01/2020. Thời hạn hỗ trợ đến ngày 15/01/2026, lãi suất hỗ trợ 9,5%/năm. Dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2021 là 2.500.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ OCH

Tầng 3, Tòa nhà VNT số 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

- Thỏa thuận hỗ trợ vốn số 01/2019/TTHTV/OCH-SHNT ngày 01/04/2019 kèm theo Phụ lục điều chỉnh lãi suất ngày 06/01/2020. Thời hạn hỗ trợ đến ngày 15/01/2026, lãi suất hỗ trợ 9,5%/năm. Dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2021 là 2.000.000.000 đồng.

- Thỏa thuận hỗ trợ vốn số 02/2020/TTHTV/OCH-SHNT ngày 30/06/2020. Thời hạn hỗ trợ đến ngày 31/12/2026, lãi suất hỗ trợ 9%/năm. Dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2021 là 22.431.929.608 đồng.

5.6 Phải thu khác**5.6.1 Phải thu khác ngắn hạn**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Các bên liên quan	39.308.243.363	-	20.832.292.802	-
Phải thu tiền lãi hỗ trợ vốn - Công ty Cổ phần Viptour -Togi (i)	22.861.045.363	-	20.832.292.802	-
Tiền cổ tức phải thu - Công ty Cổ phần Bánh Givral	16.447.198.000	-	-	-
Các bên khác	991.568.906.466	(865.477.279.040)	997.690.473.822	(865.477.279.040)
Ông Hà Trọng Nam (1)	586.131.347.928	(586.131.347.928)	586.131.347.928	(586.131.347.928)
Bà Hứa Thị Bích Hạnh (2)	56.794.444.446	(56.794.444.446)	56.794.444.446	(56.794.444.446)
Công ty TNHH VNT (3)	201.200.820.000	(201.200.820.000)	201.200.820.000	(201.200.820.000)
Công ty TNHH Quản lý và Khai thác tài sản Trảng An (4)	21.106.666.666	(21.106.666.666)	21.106.666.666	(21.106.666.666)
Tiền gửi giao dịch chứng khoán	33.921.355.734	-	33.988.257.664	-
Phải thu góp vốn mua cổ phần (5)	80.366.000.000	-	80.366.000.000	-
Phải thu khác (i)	12.048.271.692	(244.000.000)	18.102.937.118	(244.000.000)
Cộng	1.030.877.149.829	(865.477.279.040)	1.018.522.766.624	(865.477.279.040)

(1) Khoản phải thu của Ông Hà Trọng Nam

Khoản ứng trước cho ông Hà Trọng Nam (Bên liên quan trước đây của Công ty) theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 2510/2010/HĐ-CNCP ngày 25 tháng 10 năm 2010 về việc Công ty nhận chuyển nhượng 634.700 cổ phần của Công ty Cổ phần Trảng Tiền từ một nhóm cổ đông do ông Hà Trọng Nam làm đại diện. Tại ngày 05 tháng 06 năm 2015, Công ty đã ký phụ lục hợp đồng số 05 với ông Hà Trọng Nam. Theo đó, hai bên thỏa thuận dừng thực hiện chuyển nhượng cổ phần và ông Hà Trọng Nam có nghĩa vụ hoàn trả toàn bộ gốc và lãi tối đa trong vòng 3 năm kể từ ngày ký kết phụ lục.

Khoản phải thu gốc và lãi phải thu đã được trích lập dự phòng 100% theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 6 năm 2015. Công ty đã yêu cầu ông Hà Trọng Nam bổ sung tài sản dùng để đảm bảo cho khoản công nợ phải thu. Tuy nhiên đến thời điểm lập báo cáo, ông Hà Trọng Nam chưa thực hiện theo quy định và chưa hoàn trả thêm khoản công nợ này.

(2) Khoản phải thu của Bà Hứa Thị Bích Hạnh

Khoản tiền 40.000.000.000 đồng chuyển cho bà Hạnh theo Hợp đồng góp vốn đầu tư số 16/2012/HĐGV-OCH ngày 06 tháng 03 năm 2012 để kinh doanh chứng khoán, với thời hạn 12 tháng, Hợp đồng hết hạn từ 31/03/2013 và được gia hạn đến 31/03/2015.

Khoản tiền 16.794.444.446 đồng là tiền lãi tính từ ngày 07/03/2012 đến ngày 31/03/2015 trên khoản tiền chuyển cho bà Hứa Thị Bích Hạnh theo hợp đồng góp vốn đầu tư số 16/2012/HĐGV-OCH ngày 06 tháng 03 năm 2012 nêu trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ OCH

Tầng 3, Tòa nhà VNT số 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

(3) Khoản phải thu của Công ty TNHH VNT

Đây là khoản phải thu theo Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 3008/2013/HTĐT/VNT-OCH ngày 30/08/2013 để thực hiện Dự án khu số 1 thuộc Khu đô thị mới phía Nam thành phố Bắc Giang với Công ty TNHH VNT. Ngày 31/08/2016 hai bên đã lập biên bản thỏa thuận chấm dứt hợp đồng hợp tác kinh doanh, Công ty TNHH VNT có nghĩa vụ phải hoàn trả số tiền Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ OCH đã góp vốn.

(4) Khoản phải thu của Công ty TNHH Quản lý và Khai thác tài sản Tràng An

Khoản tiền 20.000.000.000 đồng là khoản đặt cọc theo hợp đồng số 33/2014/HĐĐC/OCH-TA với Công ty TNHH Quản lý và Khai thác tài sản Tràng An ngày 09 tháng 9 năm 2014 để thuê văn phòng. Theo Công văn số 08A/2016/CV-OCH ngày 15 tháng 01 năm 2016, Hợp đồng đặt cọc đã chấm dứt và Công ty TNHH Quản lý và Khai thác tài sản Tràng An phải hoàn lại số tiền đặt cọc trên cho Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ OCH.

Khoản tiền 1.106.666.666 đồng là lãi phải thu của khoản tiền 20.000.000.000 đồng nêu trên tính từ ngày nhận đặt cọc là ngày 10 tháng 9 năm 2015 đến ngày 22 tháng 02 năm 2016.

Ngày 10/06/2021, Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ OCH đã nhận được Bản án sơ thẩm số 07/2021/KDTM - ST ngày 27/05/2021 của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm Thành phố Hà Nội về việc tranh chấp đòi tiền theo Biên bản thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng đặt cọc giữa Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ OCH - Công ty TNHH Quản lý và Khai thác tài sản Tràng An. Theo quyết định của bản án, Công ty Tràng An có nghĩa vụ phải hoàn trả cho Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ OCH số tiền đặt cọc và tiền lãi phát sinh trên số tiền đặt cọc trên.

(5) Khoản phải thu góp vốn mua cổ phần

Căn cứ theo Nghị Quyết số 011/2020/NK19-24/NQ-HĐQT-OCH ngày 15/06/2020, Công ty thông qua việc mua toàn bộ cổ phần mà Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ OCH được quyền mua theo thông báo số 30.5.1/2020/TB-VTG ngày 30/05/2020 của Công ty Cổ phần Viptour-Togi ("VTG"). OCH đã chuyển tiền mua 8.036.000 cổ phiếu phát hành thêm của VTG. Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01/2021/NQ-ĐHCD ngày 30/06/2021 của Công ty Cổ phần Viptour - Togi thống nhất: Hoàn trả toàn bộ số tiền đã được cổ đông chuyển tiền mua cổ phần phát hành theo Nghị quyết số 001/2020/NQ-ĐHCD ngày 06/05/2020 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Viptour – Togi.

5.6.2 Phải thu khác dài hạn

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Các bên liên quan	12.847.540.369	-	9.365.589.624	-
Phải thu tiền lãi hỗ trợ vốn - Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha	12.847.540.369	-	9.365.589.624	-
Các bên khác	7.078.741.064	(6.255.083.564)	6.255.083.564	(6.255.083.564)
Phải dài hạn thu khác	7.078.741.064	(6.255.083.564)	6.255.083.564	(6.255.083.564)
Cộng	19.926.281.433	(6.255.083.564)	15.620.673.188	(6.255.083.564)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ OCH

Tầng 3, Tòa nhà VNT số 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

5.7 Nợ xấu

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	887.881.637.871	(867.517.744.471)	887.881.637.871	(867.517.744.471)
Ông Hà Trọng Nam	586.131.347.928	(586.131.347.928)	586.131.347.928	(586.131.347.928)
Bà Hứa Thị Bích Hạnh	56.794.444.446	(56.794.444.446)	56.794.444.446	(56.794.444.446)
Công ty TNHH VNT	201.200.820.000	(201.200.820.000)	201.200.820.000	(201.200.820.000)
Công ty TNHH Quản lý và Khai thác tài sản Trảng An	21.106.666.666	(21.106.666.666)	21.106.666.666	(21.106.666.666)
Công ty Cổ phần Du lịch và Xúc tiến Đầu tư (i)	20.300.000.000	-	20.300.000.000	-
Các đối tượng khác	2.348.358.831	(2.284.465.431)	2.348.358.831	(2.284.465.431)
b) Dài hạn	6.255.083.564	(6.255.083.564)	6.255.083.564	(6.255.083.564)
Các đối tượng khác	6.255.083.564	(6.255.083.564)	6.255.083.564	(6.255.083.564)
Cộng	894.136.721.435	(873.772.828.035)	894.136.721.435	(873.772.828.035)

(i) Số liệu sau khi đã loại trừ 18.267.900.000 đồng trong tài khoản đồng sở hữu giữa Công ty và Công ty Cổ phần Du lịch và Xúc tiến Đầu tư mở tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (OceanBank).

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Số dư đầu kỳ	873.772.828.035	873.268.046.685
Trích lập trong kỳ	-	-
Hoàn nhập trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	873.772.828.035	873.268.046.685

5.8 Hàng tồn kho

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (1)	218.197.815.757	-	218.099.633.941	-
Hàng hoá (2)	5.828.322.048	-	5.828.322.048	-
Cộng	224.026.137.805	-	223.927.955.989	-

(1) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là chi phí dự án Saigon Airport (tên gọi khác là Dự án Starcity Airport) tại Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Pegasus Thăng Long, bao gồm giá trị quyền sử dụng đất và chi phí xây dựng lũy kế của dự án. Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị Công ty số 41/2015/NQ-HĐQT ngày 29/10/2015 thống nhất: Dừng thi công Dự án Khách sạn Saigon Airport Plaza để tìm đối tác chuyển nhượng. Hiện tại dự án đang được thế chấp để bảo lãnh cho khoản vay của Công ty TNHH Pegasus Thăng Long.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ OCH

Tầng 3, Tòa nhà VNT số 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Theo Nghị quyết HĐQT số 06/2019/TLNQ-HĐQT ngày 28/06/2019 của Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ OCH thống nhất thoái toàn bộ vốn của Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ OCH tại dự án Starcity Airport (trong đó bao gồm 40% phần vốn của OCH và 60% của Công ty TNHH Pegasus Thăng Long) với mức giá chuyển nhượng 100% dự án tối thiểu là 322,5 tỷ đồng (đã bao gồm VAT).

(2) Đây là giá trị quyền kinh doanh, khai thác và sử dụng 93 phòng Khách sạn StarCity Nha Trang, khách sạn đã hoàn thành và đưa vào kinh doanh từ ngày 15/01/2016. Tính đến thời điểm 30/06/2021, Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ OCH đã thực hiện bàn giao cho khách hàng 87 phòng, phần còn lại 06 căn Công ty đang tiếp tục tìm kiếm khách hàng để chuyển nhượng các căn hộ trên trong thời gian tới.

5.9 Chi phí trả trước

5.9.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Chi phí trả trước chờ phân bổ	42.000.000	59.854.545
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	7.731.041	2.925.457
Cộng	49.731.041	62.780.002

5.9.2 Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	373.879.414	405.275.170
Chi phí sửa chữa, nâng cấp Văn phòng chờ phân bổ	1.552.693.661	145.621.666
Chi phí đồ dùng văn phòng, thuê văn phòng chờ phân bổ	462.832.500	-
Các khoản khác	46.198.402	63.903.388
Cộng	2.435.603.977	614.800.224

5.10 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Bản quyền, bằng sáng chế VND	Chương trình phần mềm VND	Tổng cộng VND
NGUYỄN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2021	235.928.682	161.280.000	397.208.682
Số dư tại 30/06/2021	235.928.682	161.280.000	397.208.682
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Số dư tại 01/01/2021	216.612.742	124.900.667	341.513.409
Khấu hao trong kỳ	11.798.766	4.728.000	16.526.766
Số dư tại 30/06/2021	228.411.508	129.628.667	358.040.175
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư tại 01/01/2021	19.315.940	36.379.333	55.695.273
Số dư tại 30/06/2021	7.517.174	31.651.333	39.168.507

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ OCH

Tầng 3, Tòa nhà VNT số 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

- Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại 30/06/2021 là 0 VND, tại 01/01/2021 là 0 VND;

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 30/06/2021 là 114.000.000 VND, tại 01/01/2021 là 114.000.000 VND.

5.11 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2021	586.593.900	2.360.455.819	156.154.546	3.103.204.265
Số dư tại 30/06/2021	586.593.900	2.360.455.819	156.154.546	3.103.204.265
GIÁ TRỊ HAO MÒN				
Số dư tại 01/01/2021	586.593.900	837.641.605	57.715.902	1.481.951.407
Khấu hao trong kỳ		118.022.790	18.825.756	136.848.546
Số dư tại 30/06/2021	586.593.900	955.664.395	76.541.658	1.618.799.953
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư tại 01/01/2021	-	1.522.814.214	98.438.644	1.621.252.858
Số dư tại 30/06/2021	-	1.404.791.424	79.612.888	1.484.404.312

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại 30/06/2021 là 0 VND, tại 01/01/2021 là 0 VND;

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 30/06/2021 là 586.593.900 VND, tại 01/01/2021 là 586.593.900 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ OCH

Tầng 3, Tòa nhà VNT số 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

5.12 Chứng khoán kinh doanh

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá hợp lý (ii) VND	Giá hợp lý (ii) VND
Các khoản đầu tư khác	47.724.751.400	-	47.316.417.100	-
Đầu tư danh mục chứng khoán qua Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Bông Sen (i)	46.000.000.000		46.000.000.000	
Đầu tư danh mục chứng khoán khác	1.724.751.400		1.316.417.100	
Cộng	47.724.751.400	-	47.316.417.100	-

(i) Theo hợp đồng quản lý đầu tư số 10/20-01 ngày 27/10/2020 giữa Công ty OCH với Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Bông Sen, Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ OCH đã thực hiện chuyển 46 tỷ đồng để ủy thác đầu tư cho Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Bông Sen.

(ii) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ OCH

Tầng 3, Tòa nhà VNT số 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

5.13 Đầu tư dài hạn khác

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	DP VND	Giá gốc VND	Giá hợp lý (i) VND
Đầu tư vào công ty con	1.414.955.150.718	(372.488.450.071)	1.322.934.650.718	(318.999.927.231)
Công ty Cổ phần Truyền thông Đại Dương	47.000.000.000	(34.634.289.222)	47.000.000.000	(34.634.289.222)
Công ty Cổ phần Tân Việt	109.493.338.104	(6.660.554.128)	109.493.338.104	-
Công ty Cổ phần Bánh Givral	328.943.960.000	-	328.943.960.000	-
Công ty Cổ phần Viptour-Togi	246.832.000.000	(102.675.560.199)	246.832.000.000	(98.063.399.201)
Công ty TNHH Một Thành Viên Sao Hóm Nha trang	590.665.352.614	(207.629.806.648)	590.665.352.614	(186.302.238.808)
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Bình Hưng	92.020.500.000	(20.888.239.874)	-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	88.801.147.484	(88.801.147.484)	88.801.147.484	(88.801.147.484)
Công ty Cổ phần dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển Đầu tư	88.801.147.484	(88.801.147.484)	88.801.147.484	(88.801.147.484)
Đầu tư vào đơn vị khác (ii)	90.094.700.000	(71.693.824.560)	90.094.700.000	(71.559.721.413)
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng và Vật liệu xây dựng	4.423.700.000	(399.407.966)	4.423.700.000	(399.407.966)
Công ty Cổ phần Kính mắt Hà Nội	11.430.000.000	(3.631.934.222)	11.430.000.000	(3.497.831.075)
Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long	74.241.000.000	(67.662.482.372)	74.241.000.000	(67.662.482.372)
Cộng	1.593.850.998.202	(532.983.422.115)	1.501.830.498.202	(479.360.796.128)

(i) Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá trị niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Giao dịch với các công ty con: Xem thuyết minh số 7.2.3

Tình hình hoạt động của công ty con: Xem thuyết minh số 1.7

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ OCH

Tầng 3, Tòa nhà VNT số 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

5.14 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các bên liên quan	680.819.913	680.819.913	680.819.913	680.819.913
Công ty Cổ phần Truyền thông Đại Dương	468.936.450	468.936.450	468.936.450	468.936.450
Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang	211.883.463	211.883.463	211.883.463	211.883.463
Các bên khác	2.468.575.495	2.468.575.495	4.431.616.296	4.431.616.296
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thực phẩm Ngon	-	-	1.168.728.000	1.168.728.000
Công ty TNHH Xây dựng và Công nghệ Quang Minh	250.760.026	250.760.026	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	2.217.815.469	2.217.815.469	3.262.888.296	3.262.888.296
Cộng	3.149.395.408	3.149.395.408	5.112.436.209	5.112.436.209

5.15 Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Số phải thu cuối kỳ VND	Số phải nộp cuối kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số phải thu đầu kỳ VND	Số phải nộp đầu kỳ VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.218.585.758	-	-	-	6.218.585.758	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	86.750.639	349.701.342	374.537.541	-	61.914.440
Thuế môn bài	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	6.218.585.758	86.750.639	352.701.342	377.537.541	6.218.585.758	61.914.440

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.16 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Chi phí điện nước	1.686.060.082	1.686.060.082
Chi phí tư vấn và thực hiện đăng ký điều chỉnh thông tin Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận đầu tư thừa đất số Lô 45-1 KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội	727.272.727	727.272.727
Các khoản khác	57.272.727	137.272.727
Cộng	2.470.605.536	2.550.605.536

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ OCH

Tầng 3, Tòa nhà VNT số 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

5.17 Phải trả khác ngắn hạn

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các bên liên quan	803.535.855	803.535.855	803.535.855	803.535.855
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đại Dương	803.535.855	803.535.855	803.535.855	803.535.855
Các bên khác	123.842.254.521	123.842.254.521	123.533.095.835	123.533.095.835
Kinh phí công đoàn	8.350.600	8.350.600	12.100.500	12.100.500
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.337.521.772	5.337.521.772	5.337.521.772	5.337.521.772
Phải trả Công ty TNHH Pegasus Thăng Long (i)	116.042.770.800	116.042.770.800	116.042.770.800	116.042.770.800
Phải trả khác	2.453.611.349	2.453.611.349	2.140.702.763	2.140.702.763
Cộng	124.645.790.376	124.645.790.376	124.336.631.690	124.336.631.690

(i) Công ty và Công ty TNHH Pegasus Thăng Long ("Pegasus Thăng Long") có thỏa thuận hợp tác kinh doanh với các nội dung chính gồm:

- Hai bên hợp tác để cùng nhau đầu tư thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Khách sạn nằm trong Dự án Sài Gòn Airport Plaza, tại số 01, đường Bạch Đằng, phường 2, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Quy mô góp vốn: Pegasus Thăng Long góp 60% tổng giá trị góp vốn;
- Thời gian hợp tác kinh doanh: Kể từ ngày ký cho đến khi Các bên đã hoàn thành mọi quyền và nghĩa vụ cam kết theo hợp đồng và thực hiện thanh lý hợp đồng;
- Phương thức phân chia kết quả: Sau khi Dự án hoàn thành, Pegasus Thăng Long sẽ được hưởng 60% lợi nhuận từ việc khai thác Dự án.
- Theo Nghị quyết HĐQT số 06/2019/TLNQ-HĐQT ngày 28/06/2019 của HĐQT Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ OCH thống nhất thoái 100% vốn của OCH tại dự án Starcity Airport (tương ứng 40% vốn góp vào dự án) với mức giá chuyển nhượng 100% dự án tối thiểu là 322,5 tỷ đồng (đã bao gồm VAT). Trong đó bao gồm 40% phần vốn của OCH và 60% của Công ty TNHH Pegasus Thăng Long.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ OCH

Tầng 3, Tòa nhà VNT số 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

5.18 Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại 01/01/2020	2.000.000.000.000	4.493.439.505	6.329.814.592	(242.950.738.117)	1.767.872.515.980
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	59.549.618.465	59.549.618.465
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(2.045.000.000)	(2.045.000.000)
Số dư tại 30/12/2020	2.000.000.000.000	4.493.439.505	6.329.814.592	(185.446.119.652)	1.825.377.134.445
Số dư tại 01/01/2021	2.000.000.000.000	4.493.439.505	6.329.814.592	(185.446.119.652)	1.825.377.134.445
Lãi trong kỳ này	-	-	-	17.744.854.540	17.744.854.540
Trích lập quỹ kỳ này	-	-	-	(1.786.000.000)	(1.786.000.000)
Số dư tại 30/06/2021	2.000.000.000.000	4.493.439.505	6.329.814.592	(169.487.265.112)	1.841.335.988.985

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2020 theo Nghị quyết ĐHCĐ số 01/2021/NQ-ĐHCĐ ngày 23/04/2021 như sau:

Phân phối lợi nhuận	
Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
1.786.000.000	2.045.000.000
1.786.000.000	2.045.000.000

Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi

Tổng

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ OCH

Tầng 3, Tòa nhà VNT số 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2021			01/01/2021		
	Số lượng CP	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Số lượng CP	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	119.694.552	1.196.945.520.000	59,85%	119.694.552	1.196.945.520.000	59,85%
Các cổ đông khác	80.305.448	803.054.480.000	40,15%	80.305.448	803.054.480.000	40,15%
Cộng	200.000.000	2.000.000.000.000	100%	200.000.000	2.000.000.000.000	100%

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
Vốn góp cuối kỳ	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
Phân phối lợi nhuận (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	1.786.000.000	2.045.000.000

Cổ phiếu

	30/06/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	200.000.000	200.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	200.000.000	200.000.000
Cổ phiếu phổ thông	200.000.000	200.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	200.000.000	200.000.000
Cổ phiếu phổ thông	200.000.000	200.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ OCH

Tầng 3, Tòa nhà VNT số 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

6.1.1 Tổng doanh thu

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Doanh thu bán hàng hóa	10.973.680.384	17.489.186.466
Doanh thu cung cấp dịch vụ	147.723.639	1.714.987.013
Cộng	11.121.404.023	19.204.173.479

6.1.2 Doanh thu với các bên liên quan

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	-	61.157.780
Công ty Cổ phần Bánh Givral	10.973.680.384	17.489.186.466
Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang	-	119.355.636
Cộng	10.973.680.384	17.669.699.882

6.2 Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Giá vốn của hàng đã bán	9.975.951.426	16.018.846.541
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	107.723.639	986.332.810
Cộng	10.083.675.065	17.005.179.351

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	11.742.370.101	18.104.829.453
Cổ tức, lợi nhuận được chia	65.848.792.000	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	277.642.900	-
Cộng	77.868.805.001	18.104.829.453

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ OCH

Tầng 3, Tòa nhà VNT số 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Trích lập/Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	53.622.625.987	(35.357.817.008)
Cộng	53.622.625.987	(35.357.817.008)

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.217.488.991	5.054.453.479
Chi phí khấu hao TSCĐ	148.647.312	130.124.741
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.778.985.709	1.740.019.628
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.683.083.678	1.102.204.015
Cộng	8.828.205.690	8.026.801.863

6.6 Thu nhập khác

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Phí sử dụng vốn theo thỏa thuận chấm dứt hợp đồng	1.283.887.804	-
Các khoản khác	5.264.454	46.000
Cộng	1.289.152.258	46.000

6.7 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	17.744.854.540	47.634.819.547
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN	(65.848.792.000)	65.179
<i>Hoạt động kinh doanh khác</i>	(65.848.792.000)	65.179
Các khoản điều chỉnh tăng	-	65.179
Các khoản chi phí không được trừ	-	65.179
Các khoản điều chỉnh giảm	(65.848.792.000)	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(65.848.792.000)	-
Chuyển lỗ các năm trước	-	(306.979.130.869)
Thu nhập tính thuế TNDN	(48.103.937.460)	(259.344.246.143)
Chi phí thuế TNDN tính trên TNCT năm hiện hành	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ OCH

Tầng 3, Tòa nhà VNT số 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	157.402.476	146.537.610
Chi phí nhân công	5.217.488.991	5.054.453.479
Chi phí khấu hao tài sản cố định	153.375.312	790.401.743
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.609.664.388	1.885.088.061
Chi phí khác bằng tiền	1.525.681.202	1.136.653.780
Cộng	8.663.612.369	9.013.134.673

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1. Các khoản cam kết, bảo lãnh

Dự án Starcity Airport tại quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện tại Dự án đang được thế chấp để bảo lãnh cho khoản vay của Công ty TNHH Pegasus Thăng Long chi tiết xem tại mục 1 thuyết minh 5.8.

7.2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

7.2.1. Danh sách bên liên quan có giao dịch với Công ty trong kỳ

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Bánh Givral	Công ty con
Công ty Cổ phần Viptour-Togi	Công ty con
Công ty TNHH Một Thành Viên Sao hôm Nha trang	Công ty con
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Bình Hưng	Công ty con

7.2.2. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ OCH

Tầng 3, Tòa nhà VNT số 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc trong năm như sau:

Họ và tên	Chức danh	Từ 01/01/2021	Từ 01/01/2020
		đến 30/06/2021 VND	đến 30/06/2020 VND
Thù lao của Hội đồng Quản trị			
Ông Nguyễn Thành Trung	Chủ tịch HĐQT	600.000.000	600.000.000
Bà Nguyễn Thị Dung	Phó Chủ tịch HĐQT	300.000.000	300.000.000
Ông Nguyễn Giang Nam	Thành viên	180.000.000	180.000.000
Bà Nguyễn Thu Hằng	Thành viên	180.000.000	180.000.000
Ông Nguyễn Thế Vinh	Thành viên	180.000.000	180.000.000
Ông Trần Quốc Toàn	Thành viên	180.000.000	38.181.818
Tổng		1.620.000.000	1.478.181.818
Thù lao Thành viên Ban Kiểm soát			
Bà Nguyễn Hương Nga	Trưởng ban	120.000.000	120.000.000
Ông Vũ Xuân Dương	Thành viên	60.000.000	60.000.000
Bà Trần Thị Kim Oanh	Thành viên	60.000.000	60.000.000
Tổng		240.000.000	240.000.000
Tiền lương của TGD và người quản lý khác			
Ông Nguyễn Quang Thành	Tổng Giám đốc	616.100.000	-
Bà Nguyễn Thị Dung	Phó Tổng Giám đốc	211.800.000	48.212.084
Tổng		827.900.000	48.212.084

Các giao dịch khác với thành viên quản lý chủ chốt và các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt:

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không có số dư phải thu/phải trả khác với các thành viên quản lý chủ chốt.

7.2.3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Giao dịch với các bên liên quan khác

	Từ 01/01/2021	Từ 01/01/2020
	đến 30/06/2021	đến 30/06/2020
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.973.680.384	17.669.699.882
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	-	61.157.780
Công ty Cổ phần Bánh Givral	10.973.680.384	17.489.186.466
Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang	-	119.355.636
Mua hàng hóa, dịch vụ	-	223.957.844
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	-	223.957.844
Lãi cho vay	5.510.703.306	7.822.017.405
Công ty Cổ phần Viptour Togi	2.028.752.561	2.037.711.139
Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang	3.481.950.745	5.784.306.266
Cổ tức	-	-
Công ty Cổ phần Bánh Givral	65.788.792.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ OCH

Tầng 3, Tòa nhà VNT số 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

7.2.4. Số dư với các bên liên quan

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Phải thu của khách hàng	2.280.363.259	2.567.968.555
Công ty Cổ phần Bánh Givral	1.949.414.946	2.237.020.242
Công ty Cổ phần Truyền thông Đại Dương	330.948.313	330.948.313
Phải thu về cho vay ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Viptour-Togi	40.341.163.333	40.341.163.333
Phải thu về cho vay dài hạn		
Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang	74.079.858.335	74.079.858.335
Phải thu khác		
Công ty Cổ phần Viptour	103.227.045.363	101.198.292.802
Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang	12.847.540.369	9.365.589.624
Công ty Cổ phần Bánh Givral	16.447.198.000	-
Phải trả cho người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Truyền thông Đại Dương	468.936.450	468.936.450
Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang	211.883.463	211.883.463
Phải trả khác		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	803.535.855	803.535.855

7.3. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ của Công ty.

7.4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 của Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ OCH đã được kiểm toán, soát xét bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

7.5. Thông tin về hoạt động liên tục

Không còn bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.



Nguyễn Quang Thành
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2021

Nguyễn Thị Mai Hoa
Kế toán trưởng

Lê Bích Thùy
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ OCH

Tầng 3, Tòa nhà VNT số 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Phụ lục 01: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Hàng hóa, Thành phẩm VND	Dịch vụ VND	Kinh doanh bất động sản VND	Tổng cộng VND
Kỳ này				
Tổng doanh thu	10.973.680.384	147.723.639	-	11.121.404.023
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	10.973.680.384	147.723.639	-	11.121.404.023
Chi phí trực tiếp	9.975.951.426	107.723.639	-	10.083.675.065
Chi phí từng lĩnh vực	9.975.951.426	107.723.639	-	10.083.675.065
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	997.728.958	40.000.000	-	1.037.728.958

	Hàng hóa, Thành phẩm VND	Dịch vụ VND	Kinh doanh bất động sản VND	Tổng cộng VND
Kỳ trước				
Tổng doanh thu	17.489.186.466	1.714.987.013	-	19.204.173.479
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	17.489.186.466	1.714.987.013	-	19.204.173.479
Chi phí trực tiếp	16.018.846.541	986.332.810	-	17.005.179.351
Chi phí từng lĩnh vực	16.018.846.541	986.332.810	-	17.005.179.351
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	1.470.339.925	728.654.203	-	2.198.994.128

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ OCH

Tầng 3, Tòa nhà VNT số 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Phụ lục 01: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Hàng hóa, Thành phẩm VND	Dịch vụ VND	Kinh doanh bất động sản VND	Tổng cộng VND
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.949.414.946	1.973.448.161.450	-	1.975.397.576.396
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				56.893.692
Tổng tài sản	1.949.414.946	1.973.448.161.450	-	1.975.454.470.088
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	134.118.481.103	-	134.118.481.103
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				
Tổng nợ phải trả	-	134.118.481.103	-	134.118.481.103
Số đầu kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	47.866.917.837	1.687.012.452.800	225.385.931.076	1.960.265.301.713
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				56.893.692
Tổng tài sản	47.866.917.837	1.687.012.452.800	225.385.931.076	1.960.322.195.405
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	3.829.665.309	129.965.375.249	1.150.020.402	134.945.060.960
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				
Tổng nợ phải trả	3.829.665.309	129.965.375.249	1.150.020.402	134.945.060.960

